

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2019

Báo cáo gồm có:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Hà nội, ngày 19 tháng 07 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu số B01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53,041,846,647	60,776,086,517
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7,311,000,688	5,567,106,204
1. Tiền	111		1,811,000,688	3,567,106,204
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,500,000,000	2,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	12,439,131,995	20,369,854,096
1. Chứng khoán kinh doanh	121		9,905,880,315	12,288,124,875
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(516,748,320)	(968,270,779)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3,050,000,000	9,050,000,000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31,112,269,690	27,343,136,671
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	21,955,382,495	22,313,453,147
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		512,231,464	521,092,464
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		72,326,632,496	69,865,658,825
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(63,681,976,765)	(65,357,067,765)
III. Hàng tồn kho	140	9	1,218,440,000	7,465,853,871
1. Hàng tồn kho	141		26,168,166,326	32,415,580,197
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(24,949,726,326)	(24,949,726,326)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		961,004,274	30,135,675
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			30,135,675
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	961,004,274	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		193,152,414,995	182,048,880,038
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		80,916,003	80,916,003
1. Phải thu dài hạn khác	216		43,805,611,591	47,594,112,003
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(43,724,695,588)	(47,513,196,000)
I. Tài sản cố định	220		1,095,946,364	252,307,708
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1,095,946,364	252,307,708
- Nguyên giá	222		1,394,554,548	1,070,958,184
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(298,608,184)	(818,650,476)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		95,400,000	95,400,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95,400,000)	(95,400,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		4,500,000,000	4,500,000,000
- Nguyên giá	231		4,500,000,000	4,500,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	150,508,529,650	150,343,408,576
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		3,510,805,388	3,510,805,388
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		146,997,724,262	146,832,603,188
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	36,934,029,796	26,854,564,796
1. Đầu tư vào công ty con	251		5,090,000,000	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		490,000,000	490,000,000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		42,969,727,777	37,969,727,777
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11,615,697,981)	(11,605,162,981)
III. Tài sản dài hạn khác	260		32,993,182	17,682,955
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		32,993,182	17,682,955
VII Lợi thế thương mại	269		-	-

TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		270	246,194,261,642	242,824,966,555
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16,950,515,054	19,926,670,722
I. Nợ ngắn hạn	310		16,950,515,054	19,926,670,722
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	311,070,000	311,070,000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12,217,789,316	11,765,262,516
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	567,407,492	3,879,804,263
4. Phải trả người lao động	314		5,137,500	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		22,151,757	70,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17		
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		2,799,303,895	2,842,878,849
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19		
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,027,655,094	1,057,655,094
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		229,243,746,588	222,898,295,833
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	229,243,746,588	222,898,295,833
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373,500,000,000	373,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373,500,000,000	373,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,790,387,000	2,790,387,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3,546,600,829)	(3,546,600,829)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7,300,261,084	7,300,261,084
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(150,800,300,667)	(157,145,751,422)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(157,145,751,422)	(174,019,304,604)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6,345,450,755	16,873,553,182
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		246,194,261,642	242,824,966,555

NGƯỜI LẬP BIỂU


Lê Thị Hoàng

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Lê Thị Hoàng



Vũ Xuân Hàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Năm nay	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4,661,678,296	586,892,726	8,115,858,158	12,655,490,908
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0		
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01-02)	10		4,661,678,296	586,892,726	8,115,858,158	12,655,490,908
4. Giá vốn hàng bán	11		4,394,431,010	612,805,796	7,670,756,998	3,912,397,116
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV (20=10-11)	20		267,247,286	(25,913,070)	445,101,160	8,743,093,792
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1,435,402,906	1,221,410,835	2,578,081,757	3,647,982,565
7. Chi phí tài chính	22		(2,085,857,110)	1,348,631,912	(4,212,830,890)	1,365,137,841
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0		
8. Chi phí bán hàng	24		0	0		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,305,709,106	(619,767,870)	963,226,177	855,303,000
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		2,482,798,196	466,633,723	6,272,787,630	10,170,635,516
11. Thu nhập khác	31		126,538,447	0	126,538,447	
12. Chi phí khác	32		53,875,322	1,088,410	53,875,322	1,088,410
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		72,663,125	(1,088,410)	72,663,125	(1,088,410)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2,555,461,321	465,545,313	6,345,450,755	10,169,547,106
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		0	(127,860,024)		1,317,326,790
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		2,555,461,321	593,405,337	6,345,450,755	8,852,220,316
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				172	240
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hoàng

Nguyễn Thị Hoàng

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hoàng

Nguyễn Thị Hoàng



Vũ Xuân Hàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý 2 năm 2019

Mẫu số B03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lý kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	6,345,450,755	10,169,547,106
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	126,496,155	94,615,386
Các khoản dự phòng	03	(5,904,578,871)	(372,103,083)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1,853,875,824)	(1,738,958,902)
Chi phí lãi vay	06		
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(1,286,507,785)	8,153,100,507
Giảm các khoản phải thu	09	336,219,868	(4,946,040,323)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	6,247,413,871	94,545,455
(Giảm) các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(796,155,668)	(11,353,585,529)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(15,310,227)	164,825,841
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	2,382,244,560	(4,095,695,722)
Tiền lãi vay đã trả	14		
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2,180,000,000)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(100,000,000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(30,000,000)	
Chuyển tiền bán cổ phần về Tập đoàn		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	4,657,904,619	(12,082,849,771)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1,408,081,074)	(37,500,000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	330,000,000	
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14,050,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	6,000,000,000	21,500,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(10,090,000,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,254,070,939	372,696,295
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(2,914,010,135)	7,785,196,295

CHỈ TIÊU	Mã số	Lý kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	1,743,894,484	(4,297,653,476)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,567,106,204	5,818,068,199
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	7,311,000,688	1,520,414,723

Ngày 19 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

Lê Thị Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Lê Thị Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Vũ Xuân Hàn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** Thương mại và Dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** Dịch vụ kinh doanh và đầu tư Bất động sản; Dịch vụ đầu tư tài chính

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các 13hông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính .
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Đơn vị trực thuộc của Công ty không thực hiện hạch toán kế toán.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc kế toán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

Loại tài sản cố định

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Số năm

04 – 08

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập trong năm căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

13. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

14. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	507,970,522	1,688,953,384
Tiền gửi ngân hàng	1,303,030,166	1,878,152,820
Tiền gửi kỳ hạn < 3 tháng	5,500,000,000	2,000,000,000
Cộng	<u>7,311,000,688</u>	<u>5,567,106,204</u>

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán kinh doanh	9,905,880,315	12.288.124.875
<i>Cổ phiếu</i>		
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(516,748,320)	(968.270.779)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.050.000.000	9.050.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng</i>	<i>3.050.000.000</i>	<i>9.050.000.000</i>
Cộng	<u>12,439,131,995</u>	<u>20.369.854.096</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>				
Công ty Cổ phần Điện tử Viễn Thông Việt	21.594.000.000	(21.594.000.000)	21.594.000.000	(21.594.000.000)
Các đối tượng khác	361.382.495		719.453.147	
Cộng	21.955.382.495	(21.594.000.000)	22.313.453.147	(21.594.000.000)

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Công ty TNHH Hoàn Mỹ Gia	40.943.680.796	(40.943.680.796)	42.618.771.796	(42.618.771.796)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	28.041.586.375		23.977.990.893	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.341.365.325	(1.144.295.969)	3.268.896.136	(1.144.295.969)
Cộng	72.326.632.496	(42.087.976.765)	69.865.658.825	(43.763.067.765)

5. Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Hàng hóa Bất động sản	26.168.166.326	(24.949.726.326)	32.415.580.197	(24.949.726.326)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang				
Cộng	26.168.166.326	(24.949.726.326)	32.415.580.197	(24.949.726.326)

6. Phải thu dài hạn khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Phải thu từ Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	43.724.695.588	(43.724.695.588)	47.594.112.003	(47.513.196.000)
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng 18	26.600.000.000	(26.600.000.000)	26.600.000.000	(26.600.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Đỏ	15.000.000.000	(15.000.000.000)	15.000.000.000	(15.000.000.000)
Công ty TNHH Chí Thành	2.124.695.588	(2.124.695.588)	5.913.196.000	(5.913.196.000)
Khác	80.916.003		80.916.003	
Cộng	43.805.611.591	(43.724.695.588)	47.594.112.003	(47.513.196.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

7. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	820.000.000	250.958.184	1.070.958.184
Mua trong năm/kỳ	1.143.596.364		1.143.596.364
Bán trong năm/kỳ	(820.000.000)		(820.000.000)
Số cuối kỳ	1.143.596.364	250.958.184	1.394.554.548
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	567.692.292	250.958.184	818.650.476
Khấu hao trong kỳ	126.496.155		126.496.155
Thanh lý, nhượng bán	(646.538.447)		(646.538.447)
Số cuối kỳ	47.650.000	250.958.184	298.608.184
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	252.307.708	-	252.307.708
Số cuối kỳ	1.095.946.364		1.095.946.364

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản cho thuê

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	4.500.000.000
Số cuối kỳ	4.500.000.000
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	
Tăng do khấu hao trong năm	
Số cuối kỳ	
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	4.500.000.000
Số cuối kỳ	4.500.000.000

9. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
<i>Dự án Nhà ở Cán bộ Nhân viên Nhà máy Lọc dầu Dung Quất</i>	3.510.805.388	3.510.805.388	3.510.805.388	3.510.805.388
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
<i>Dự án nhà ở xã hội tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai</i>	146.997.724.262	146.997.724.262	146.832.603.188	146.832.603.188
Cộng	150.508.529.652	150.508.529.652	150.343.408.576	150.343.408.576

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

10. Đầu tư vào Công ty con

Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Long Hội theo nghị quyết số 03/2019/NĐ-HĐQT ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư PV2.

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Đầu tư Long Hội	5.090.000.000			
Cộng	5.090.000.000			

11. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Aladdin theo Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần đầu tư PV2. Theo đó Công ty Cổ phần đầu tư PV2 góp 490.000.000 VNĐ tương ứng 49% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Công nghệ Aladdin có vốn điều lệ là 1.000.000.000 VNĐ.

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Công nghệ Aladdin	490.000.000	(281.908.980)	490.000.000	(281.908.980)
Cộng	490.000.000	(281.908.980)	490.000.000	(281.908.980)

12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Fortika Nam Trung Yên	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Hợp tác xã Công Nghiệp Đoàn Kết	13.678.080.000	(8.039.511.223)	13.678.080.000	(8.039.511.223)
Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ Vinacomin	3.504.977.777	(3.294.277.778)	3.504.977.777	(3.283.742.778)
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	10.786.670.000		5.786.670.000	
Cộng	42.969.727.777	(11.333.789.001)	37.969.727.777	(11.323.254.001)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
	Chi phí cài tạo toa tàu			
Chi phí sửa chữa VP				
Đồ dung chưa sử dụng trên tàu				0
Khác	17.682.955	29.181.818	13.871.591	32.993,182
Cộng	17.682.955	29.181.818	13.871.591	32,993,182

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
BQL Dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.292.852.516	1.292.852.516
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	810.000.000	472.410.000
Công ty cổ phần Đầu tư Tây Tây Nam	10.000.000.000	10.000.000.000
Khác	114.936.800	
Cộng	<u>12.217.789.316</u>	<u>11.765.262.516</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số phải thu</u>
Thuế giá trị gia tăng	541.989.079		517.561.013	
Thuế thu nhập doanh nghiệp		281.065.939	1.898.934.061	
Thuế thu nhập cá nhân		312.463	58.186.158	
Thuế tài nguyên		287.910.672	584.485.818	
Thuế bảo vệ môi trường		391.715.200	795.218.800	
Các loại thuế khác	25.418.413		25.418.413	
Cộng	<u>567.407.492</u>	<u>961.004.274</u>	<u>3.879.804.263</u>	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	71.421.864	78.253.392
Bảo hiểm xã hội	769.380	
Bảo hiểm y tế	10.080	
Bảo hiểm thất nghiệp		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.558.451.673	2.558.451.673
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	168.650.898	206.173.784
Cộng	<u>2.799.303.895</u>	<u>2.842.878.849</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

17. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084	-	(174.019.304.604)	206.024.742.651
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	16.873.553.182	16.873.553.182
Số đư cuối năm trước	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084		(157.145.751.422)	222.898.295.833
Số đư đầu năm nay	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084	-	(157.145.751.422)	222.898.295.833
Lợi nhuận trong năm/kỳ này	-	-	-	-	-	6.345.450.755	6.345.450.755
Số đư cuối kỳ này	373.500.000.000	2.790.387.000	(3.546.600.829)	7.300.261.084		(150.800.300.667)	229.243.746.588

11/2/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	373.500.000.000	373.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.790.387.000	2.790.387.000
Cổ phiếu quỹ	(3.546.600.829)	(3.546.600.829)
Cộng	<u>372.743.786.171</u>	<u>372.743.786.171</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.350.000	37.350.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>37.350.000</i>	<i>37.350.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	481.200	481.200
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>481.200</i>	<i>481.200</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.868.800	36.868.800
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>36.868.800</i>	<i>36.868.800</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ quỹ phúc lợi; Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý được trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN của doanh nghiệp để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 năm 2019**Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.565.676.340	1.238.503.165
Doanh thu cho thuê nhà	267.272.727	95.454.545
Doanh thu bán hàng hóa	6.282.909.091	82.000.000
Doanh thu khai thác đất tận thu		11.239.533.198
Cộng	8.115.858.158	12.655.490.908

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.423.343.127	1.309.330.302
Giá vốn cho thuê nhà		
Giá vốn bán hàng hóa	6.247.413.871	81.912.075
Giá vốn khai thác đất tận thu		2.521.154.739
Cộng	7.670.756.998	3.912.397.116

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	1.418.227.527	1.323.205.882
Cổ tức, lợi nhuận được chia	609.109.850	415.753.020
Lãi bán chứng khoán	550.744.380	1.908.992.403
Doanh thu hoạt động tài chính khác		31.260
Cộng	2.578.081.757	3.647.982.565

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay		
Lỗ bán chứng khoán	5.282.945	66.901.105
Hoàn nhập/trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(4.229.487.871)	1.277.896.917
Chi phí tài chính khác	11.374.036	20.339.819
Cộng	(4.212.830.890)	1.365.137.841

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.394.674.480	1.541.755.840
Chi phí đồ dùng văn phòng	17.016.591	111.192.109
Chi phí khấu hao tài sản cố định	126.496.155	94.615.386
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.008.800
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.675.091.000)	(1.650.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	629.062.970	466.502.465
Các chi phí khác	468.066.981	288.228.400
Cộng	963.226.177	855.303.000

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2019 được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.345.450.755	10.169.547.106
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Chi phí không được trừ</i>		
- Các khoản điều chỉnh giảm	(609.109.850)	(415.753.020)
<i>Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(609.109.850)	(415.753.020)
Thu nhập chịu thuế		9.753.794.086
Lỗi các năm trước được chuyển	5.736.340.905	(3.176.666.798)
Thu nhập tính thuế	0	6.586.633.948
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	0	1.317.326.790

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.345.450.755	8.852.220.316
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	36.868.800	36.868.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	172	240

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV2

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 2 năm 2019**Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính****8. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	36.868.800	36.868.800
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	36.868.800	36.868.800

Lập ngày 19 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Hương

Lê Thị Hương

Vũ Xuân Hân